

Ô, ngày 18 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 263/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1977

Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Khu vực L, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và hòa giải của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1977

Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Khu vực L, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn T và Chị Trần Thị N thuận tình ly hôn.

*Về con chung:*

Chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc S (nữ), sinh năm 2005 và cháu Trần Thị Ngọc Q (nữ), sinh năm 2006 theo nguyện vọng của các cháu. Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thanh M (nam), sinh năm 2012 theo nguyện vọng của cháu. Chị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị N và anh T

theo luật định.

*Về nợ chung:* Anh T và chị N xác định không có, và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:*

- Chị N đồng ý cho anh T tiếp tục được quyền sử dụng các thửa đất sau:

1. Thửa đất số 836, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.883 m<sup>2</sup>, cấp ngày 03/3/2011, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00428 do anh Trần Văn T đứng tên sử dụng. Đất có địa chỉ tại khu vực L, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ

2. Thửa đất số 831, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.484,5 m<sup>2</sup>, cấp ngày 03/3/2011, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0040429 do anh Trần Văn T đứng tên sử dụng. Đất có địa chỉ tại khu vực L, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ

- Anh Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị N số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ này, toàn bộ tài sản trên thuộc tài sản riêng của anh T

*Về tài sản riêng:* Thửa đất số 768, tờ bản đồ số 04, diện tích 221,4 m<sup>2</sup>, cấp ngày 30/01/2011, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CH00416 do anh Trần Văn T đứng tên sử dụng. Đất có địa chỉ tại khu vực L, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Trên đất có căn nhà gỗ tạp, diện tích ngang 8m x dài 16m, nền gạch tàu. Phần tài sản này có nguồn gốc ông T hưởng thừa kế, nên chị N thừa nhận đây là tài sản riêng của ông T.

*Về phần án phí dân sự sơ thẩm:*

- Tổng giá trị tài sản chung:

+ Thửa đất số 836, diện tích 4.883 m<sup>2</sup> có giá trị 120.000 đồng/m<sup>2</sup> (theo kết quả định giá ngày 05/11/2018). 4.883 m<sup>2</sup> x 120.000 đồng/m<sup>2</sup> = 585.960.000 đồng

+ Thửa đất số 831, diện tích 3.484,5 m<sup>2</sup> có giá trị 90.000 đồng/m<sup>2</sup> (theo kết quả định giá ngày 05/11/2018). 3.484,5 m<sup>2</sup> x 90.000 đồng/m<sup>2</sup> = 313.605.000 đồng

Tổng cộng (585.960.000 đồng + 313.605.000 đồng): 899.565.000 đồng

Chị N được hưởng giá trị 150.000.000 đồng. Nên án phí chị N phải chịu: 3.750.000 đồng. Số tiền này, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô theo biên lai thu số 005636 ngày 08/10/2018. Sau khi khấu trừ, chị N được nhận lại số tiền (18.595.000 đồng – 3.750.000 đồng): 14.845.000 đồng

Anh T được hưởng giá trị (899.565.000 đồng - 150.000.000 đồng): 749.565.000 đồng. Nên án phí anh T phải nộp: 16.991.300 đồng

*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* 150.000 đồng. Anh T tự nguyện chịu. Nhưng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô theo biên lai số 005556 ngày 09/8/2018. Anh T được nhận lại 150.000 đồng.

*Về chi phí tố tụng:* 14.500.000 đồng (chị N đã nộp). Mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  = 7.250.000 đồng. Anh T phải hoàn trả lại cho chị N 7.250.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND. Q Ô Môn;
- UBND P. Phước Thới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Trần Văn Mẫn**

